

QUY TẮC TỔ TỤNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM (VIFIBAR RULES)

Áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2017

ĐIỀU 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Quy tắc này được áp dụng để giải quyết các vụ tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại khi:
 - a. Các bên có thoả thuận chọn Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam và chọn Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam để giải quyết vụ tranh chấp; hoặc
 - b. Các bên có thoả thuận chọn Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam để giải quyết vụ tranh chấp; hoặc
 - c. Các bên có thoả thuận chọn Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam để giải quyết vụ tranh chấp nhưng không có thoả thuận chọn quy tắc tổ tụng trọng tài khác.
2. Nếu một trong các quy định của bản Quy tắc này xung đột với một quy định bắt buộc của pháp luật Việt Nam hiện hành về trọng tài mà các bên không được làm trái, thì quy định bắt buộc đó sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các quy định của bản Quy tắc này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 12 năm 2017 và sẽ được áp dụng cho mọi tổ tụng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2017.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong bản Quy tắc này, nếu không có quy định khác đi thì các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Phán quyết trọng tài:** là quyết định của Hội đồng Trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp và chấm dứt tổ tụng trọng tài.
2. **Quyết định trọng tài:** là quyết định của Hội đồng Trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp.
3. **Ban Điều hành:** là Ban Điều hành Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam.
4. **Trung tâm hay Trung tâm Trọng tài:** là Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam, một tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quyết định số 03/BTP/GP ngày 22 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
5. **VIFIBAR:** Là tên viết tắt tiếng Anh của Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam (Vietnam Finance Banking Commercial Arbitration Centre).

6. **Chủ tịch Trung tâm:** là Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam và kể cả (các) Phó Chủ tịch.
7. **Tổng thư ký:** là Tổng thư ký của Trung tâm và kể cả (các) Phó Tổng thư ký;
8. **Hội đồng Trọng tài:** bao gồm một (01) trọng tài viên duy nhất hoặc ba (03) trọng tài viên được chỉ định để giải quyết một vụ việc cụ thể.
9. **Danh sách Trọng tài viên:** là Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam.
10. **Nguyên đơn:** Là bên khởi kiện, nguyên đơn có thể là một hay nhiều nguyên đơn.
11. **Bị đơn:** Là bên bị kiện, bị đơn có thể là một hay nhiều bị đơn.

ĐIỀU 3. GỬI THÔNG BÁO VÀ TRÌNH TỰ GỬI THÔNG BÁO

1. Các bản giải trình, văn thư giao dịch và tài liệu khác của mỗi bên phải được gửi tới Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài với số bản đủ để mỗi thành viên trong Hội đồng Trọng tài có một (01) bản, bên kia một (01) bản và một (01) bản lưu tại Trung tâm Trọng tài.
2. Các thông báo, tài liệu mà Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài gửi cho các bên sẽ được gửi đến địa chỉ của các bên hoặc gửi cho đại diện của các bên theo đúng địa chỉ do các bên thông báo.
3. Các thông báo, tài liệu có thể được Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài gửi bằng phương thức giao trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, fax, telex, telegram, thư điện tử hoặc bằng phương thức khác có ghi nhận việc gửi này.
4. Các thông báo, tài liệu do Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài gửi được coi là đã nhận được vào ngày mà các bên hoặc đại diện của các bên đã nhận hoặc được coi là đã nhận nếu thông báo, tài liệu đó đã được gửi phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.
5. Thời hạn nhận thông báo, tài liệu được tính kể từ ngày tiếp theo ngày được coi là đã nhận thông báo, tài liệu. Nếu ngày tiếp theo là ngày lễ hoặc ngày nghỉ theo quy định của nước, vùng lãnh thổ nơi mà thông báo, tài liệu đã được nhận thì thời hạn này bắt đầu được tính từ ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn này là ngày lễ hoặc ngày nghỉ theo quy định của nước, vùng lãnh thổ nơi mà thông báo, tài liệu được nhận thì ngày hết hạn sẽ là cuối ngày làm việc đầu tiên tiếp theo.

ĐIỀU 4. BẮT ĐẦU TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

Nếu các bên tranh chấp không có thỏa thuận khác, thì thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài được tính từ khi Trung tâm Trọng tài nhận được Đơn khởi kiện và Biên lai thu phí nộp Đơn khởi kiện của Nguyên đơn hoặc khi phí trọng tài được ghi có vào tài khoản của Trung Tâm (trường hợp nộp phí bằng chuyển khoản).

ĐIỀU 5. ĐƠN KHỞI KIẾN VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Một bên muốn bắt đầu tố tụng trọng tài ("Nguyên đơn") sẽ nộp cho Trung tâm Đơn khởi kiện.

Nội dung Đơn khởi kiện gồm:

- a. Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện.
 - b. Tên, địa chỉ, (các) số điện thoại, (các) số fax và (các) địa chỉ thư điện tử (nếu biết), của Nguyên đơn, Bị đơn và những người đại diện của các bên, của người làm chứng (nếu có).
 - c. Dẫn chiếu tới điều khoản trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài riêng được viện dẫn và một bản sao điều khoản hoặc thỏa thuận đó.
 - d. Dẫn chiếu tới hợp đồng gây phát sinh vụ tranh chấp hoặc có liên quan tới vụ tranh chấp và một bản sao hợp đồng đó (nếu có).
 - e. Giải trình tóm tắt, mô tả tính chất và các tình tiết của vụ tranh chấp, nêu rõ chế tài được yêu cầu và xác định sơ bộ giá trị vụ tranh chấp (nếu có).
 - f. Giải trình về các vấn đề đã được các bên thỏa thuận trước đó về việc tiến hành trọng tài hoặc đề nghị của Nguyên đơn đối với các vấn đề đó.
 - g. Đề nghị số lượng Trọng tài viên nếu vấn đề này không được quy định trong thỏa thuận trọng tài.
 - h. Đề cử một Trọng tài viên có tên trong Danh sách trọng tài viên của VIFIBAR nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba (03) Trọng tài viên, hoặc đề nghị Chủ tịch Trung tâm chỉ định một (01) Trọng tài viên duy nhất nếu thỏa thuận trọng tài quy định một (01) Trọng tài viên duy nhất.
 - i. Kiến nghị về quy tắc pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc.
 - j. Kiến nghị về ngôn ngữ trọng tài.
 - k. Các chứng cứ khởi kiện khác (nếu có).
2. Biên lai thu phí nộp đơn khởi kiện hoặc phí trọng tài được ghi có vào tài khoản của Trung Tâm (trường hợp nộp phí bằng chuyển khoản).
 3. Để tránh hiểu nhầm, Đơn khởi kiện được xem là đầy đủ khi các yêu cầu của Quy tắc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện. Trung tâm sẽ thông báo cho các bên khi bắt đầu tố tụng trọng tài.
 4. Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo phải lập đủ số bản theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 bản Quy tắc này.

ĐIỀU 6. SỐ LƯỢNG TRỌNG TÀI VIÊN

1. Các tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm một (01) Trọng tài viên duy nhất hoặc ba (03) Trọng tài viên theo sự thỏa thuận của các bên.
2. Nếu các bên không có thỏa thuận về số lượng Trọng tài viên là một (01) hay ba (03) Trọng tài thì vụ tranh chấp được giải quyết bằng Hội đồng Trọng tài gồm ba (03) Trọng tài viên.

ĐIỀU 7. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GỒM BA (03) TRỌNG TÀI VIÊN

1. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 5, Quy tắc này, Trung tâm gửi cho Bị đơn Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Nguyên đơn, tên Trọng tài viên mà Nguyên đơn chọn hoặc tên Trọng tài viên mà Chủ tịch Trung tâm chỉ định cùng với Danh sách Trọng tài viên.
2. Nếu các bên không có thỏa thuận khác thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu kèm theo do Trung tâm gửi đến, Bị đơn phải chọn một (01) Trọng tài viên có tên trong Danh sách trọng tài viên của Trung tâm và thông báo cho Trung tâm biết hoặc yêu cầu Chủ tịch Trung tâm chỉ định một (01) Trọng tài viên cho mình. Trường hợp có nhiều Bị đơn thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu kèm theo do Trung tâm gửi đến, các Bị đơn phải thống nhất chọn một (01) Trọng tài viên có tên trong Danh sách Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu Chủ tịch Trung tâm chỉ định một (01) Trọng tài viên cho các Bị đơn.
3. Nếu Bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên thì trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hết thời hạn ba mươi (30) ngày nêu trên, Chủ tịch Trung tâm chỉ định một (01) Trọng tài viên có tên trong Danh sách Trọng tài viên làm Trọng tài viên cho Bị đơn.
4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hai Trọng tài viên được các bên chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm chỉ định làm Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp, hai Trọng tài viên này phải chọn Trọng tài viên thứ ba có tên trong Danh sách Trọng tài viên làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài. Hết thời hạn này, nếu hai Trọng tài viên được chọn hoặc được chỉ định không chọn được Trọng tài viên thứ ba thì trong thời hạn bảy (07) ngày tiếp theo Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên thứ ba có tên trong Danh sách Trọng tài viên làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài và thông báo cho các bên.

ĐIỀU 8. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GỒM MỘT (01) TRỌNG TÀI VIÊN DUY NHẤT

1. Trong trường hợp các bên thỏa thuận vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được Đơn khởi kiện, các bên phải thống nhất chọn một (01) Trọng tài viên có tên trong Danh sách Trọng tài viên và thông báo cho Trung tâm hoặc yêu cầu Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên cho mình.
2. Trong trường hợp các bên không thống nhất được việc chọn Trọng tài viên duy nhất thì một trong các bên có quyền yêu cầu Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất để giải quyết vụ tranh chấp. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chỉ định Trọng tài viên của một trong các bên, Chủ tịch Trung tâm chỉ định một (01) Trọng tài viên có tên trong Danh sách Trọng tài viên làm Trọng tài viên duy nhất.

ĐIỀU 9. TRẢ LỜI THÔNG BÁO TRỌNG TÀI – BẢN TỰ BẢO VỆ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Nguyên đơn do Trung tâm gửi đến, Bị đơn phải gửi cho Trung tâm Bản tự bảo vệ gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Ngày, tháng, năm viết Bản tự bảo vệ.
 - b. Tên và địa chỉ của Bị đơn.
 - c. Cơ sở và chứng cứ tự bảo vệ, nếu có.
 - d. Tên và địa chỉ của người được Bị đơn chỉ định làm Trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định Trọng tài viên.

Trong trường hợp Bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu ra trong Bản tự bảo vệ.

2. Theo yêu cầu của Bị đơn, thời hạn gửi Bản tự bảo vệ có thể được gia hạn dài hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Nguyên đơn do Trung tâm gửi đến, tuy nhiên yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và gửi cho Trung tâm. Căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ việc, Trung tâm phải ra quyết định gia hạn hay không và thời gian gia hạn cụ thể.
3. Bản tự bảo vệ và các tài liệu kèm theo phải lập đủ số bản theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Quy tắc này.
4. Nếu Bị đơn không nộp Bản tự Bảo vệ thì Hội đồng Trọng tài vẫn có thể tiếp tục tố tụng trọng tài.
5. Bị đơn không được quyền xin dừng việc giải quyết vụ tranh chấp.

ĐIỀU 10. ĐƠN KIỆN LẠI

1. Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp. Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo phải được gửi cho Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.
2. Đơn kiện lại gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Ngày, tháng, năm viết đơn.
 - b. Tên và địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn.
 - c. Tóm tắt nội dung vụ kiện lại.
 - d. Căn cứ pháp lý để kiện lại.
 - e. Trị giá của vụ kiện lại và các yêu cầu cụ thể khác của Bị đơn.
3. Kèm theo Đơn kiện lại, Bị đơn phải gửi bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ thỏa thuận trọng tài, các tài liệu, chứng cứ có liên quan và chứng từ nộp tạm ứng phí trọng tài.
4. Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo phải lập đủ số bản theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Quy tắc này.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo được quy định tại Khoản 3, Điều này, Trung tâm gửi cho Nguyên đơn Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo của Bị đơn.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo do Trung tâm gửi, Nguyên đơn phải gửi cho Trung tâm Bản tự bảo vệ Đơn kiện lại. Thời hạn gửi Bản tự bảo vệ có thể được gia hạn dài hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Nguyên đơn nhận được Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo của Bị đơn do Trung tâm gửi đến, tuy nhiên yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và gửi cho Trung tâm. Căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ việc, Trung tâm phải quyết định chấp thuận gia hạn hay không và thời gian gia hạn cụ thể.
7. Thủ tục giải quyết Đơn kiện lại được tiến hành như thủ tục giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn, do chính Hội đồng Trọng tài đang giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn thực hiện và giải quyết đồng thời với Đơn khởi kiện của Nguyên đơn.
8. Đơn kiện lại có thể được lập riêng rẽ hay là một phần trong Bản tự bảo vệ của Bị đơn.
9. Hội Đồng Trọng Tài giải quyết đơn kiện cũng sẽ giải quyết Đơn Kiện lại.

ĐIỀU 11. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, RÚT ĐƠN KHỞI KIẾN VÀ ĐƠN KIẾN LẠI

1. Nguyên đơn có thể sửa đổi, bổ sung hoặc rút Đơn khởi kiện trước khi Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết trọng tài.
2. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, Bị đơn có thể sửa đổi, bổ sung hoặc rút Đơn kiện lại trước khi Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết trọng tài.
3. Hội đồng Trọng tài có quyền không chấp nhận các sửa đổi, bổ sung này nếu thấy rằng việc đó có thể bị lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn việc ra Phán quyết trọng tài hoặc vượt quá phạm vi của thỏa thuận trọng tài áp dụng cho vụ tranh chấp.

ĐIỀU 12. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN TRỌNG TÀI VIÊN

1. Một Trọng tài viên, dù được các bên đề cử hay không, tiến hành tố tụng trọng tài theo Các Quy tắc này sẽ và luôn luôn độc lập và vô tư, và không ủng hộ cho bất kỳ bên nào.
2. Khi chỉ định Trọng tài viên tham gia Hội đồng Trọng tài theo các quy định của bản Quy tắc này, Chủ tịch Trung tâm sẽ quan tâm thích đáng tới trình độ cần thiết của Trọng tài viên theo thỏa thuận của các bên và các yếu tố cần thiết để bảo đảm chỉ định một Trọng tài viên độc lập và vô tư.
3. Chủ tịch cũng sẽ xem xét việc Trọng tài viên có đủ thời gian tham gia hay không để quyết định nhanh chóng và hiệu quả vụ tranh chấp phù hợp với tính chất tố tụng trọng tài.
4. Trọng tài viên sẽ phải thông báo cho các bên, các Trọng tài viên khác và Trung tâm bất kỳ sự việc nào có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc tính độc lập của mình trong thời gian sớm nhất có thể tại bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng.

5. Không bên nào hay bất kỳ người nào thay mặt một bên liên quan tới vụ tranh chấp được phép liên lạc riêng với bất kỳ Trọng tài viên nào hoặc ứng viên được chỉ định làm Trọng tài viên do một bên đề cử, ngoại trừ để thông báo cho ứng viên được đề cử về tính chất chung của vụ kiện và thủ tục tố tụng dự kiến, cũng như để thảo luận về trình độ, khả năng tham gia hoặc tính độc lập của ứng viên Trọng tài liên quan tới các bên hoặc để thảo luận về sự phù hợp của các ứng viên làm trọng tài viên thứ ba trong trường hợp các Trọng tài viên được các bên hoặc một bên chỉ định phải tham gia vào việc lựa chọn đó. Không bên nào hay bất kỳ người nào thay mặt bên liên quan tới vụ tranh chấp liên lạc riêng với bất kỳ ứng viên nào cho Trọng tài viên giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

ĐIỀU 13. PHẢN ĐỐI TRỌNG TÀI VIÊN

1. Một Trọng tài viên có thể bị phản đối nếu có các tình tiết thực tế có thể dẫn đến sự nghi ngờ chính đáng về sự vô tư hoặc tính độc lập của Trọng tài viên hoặc nếu Trọng tài viên không có tiêu chuẩn cần thiết mà các bên đã thỏa thuận.
2. Một bên chỉ có thể phản đối Trọng tài viên do bên đó đề cử với các lý do của việc phản đối mà bên đó biết được sau khi đã chỉ định.

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO PHẢN ĐỐI

1. Một bên có ý định phản đối Trọng tài viên sẽ gửi thông báo phản đối trong vòng mười (10) ngày sau khi nhận được thông báo chỉ định Trọng tài viên là người bị phản đối hoặc, trong vòng mười (10) ngày sau khi bên đó biết được các tình tiết nêu tại Khoản 1, Điều 15, Quy tắc này.
2. Thông báo phản đối sẽ được nộp cho Trung tâm và đồng thời được gửi cho bên kia, Trọng tài viên bị phản đối và các thành viên khác của Hội đồng Trọng tài. Thông báo phản đối sẽ được lập thành văn bản và ghi lý do phản đối. Chủ tịch Trung tâm có thể ra lệnh tạm đình chỉ tố tụng trọng tài cho tới khi việc phản đối được giải quyết.
3. Khi một Trọng tài viên bị một bên phản đối, thì bên kia có thể đồng ý với việc phản đối. Trọng tài viên bị phản đối cũng có thể rút lui khỏi vị trí của mình. Cả hai trường hợp này không được coi là chấp nhận lý do phản đối Trọng tài viên.
4. Trong các trường hợp nêu tại Khoản 3, Điều này thì các thủ tục quy định tại Điều 6 và Điều 7, Điều 8 hoặc Điều 9, Quy tắc này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng cho việc chỉ định Trọng tài viên thay thế, kể cả khi trong quá trình chỉ định Trọng tài viên bị phản đối, một bên đã không thực hiện quyền đề cử của mình. Thời hạn quy định trong các Quy tắc đó sẽ bắt đầu từ ngày bên kia đồng ý với việc phản đối hoặc Trọng tài viên bị phản đối rút lui.

ĐIỀU 15. THAY ĐỔI TRỌNG TÀI VIÊN

1. Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên giải quyết tranh chấp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên.

- b. Trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp.
 - c. Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, khách quan.
 - d. Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.
2. Kể từ khi được chọn hoặc được chỉ định, Trọng tài viên phải thông báo bằng văn bản cho Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài và các bên về những tình tiết có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, vô tư của mình.
 3. Đối với vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm Trọng tài quyết định. Nếu Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định. Trong trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được hoặc nếu các Trọng tài viên hay Trọng tài viên duy nhất từ chối giải quyết tranh chấp, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài quyết định về việc thay đổi Trọng tài viên.
 4. Quyết định của Chủ tịch Trung tâm Trọng tài là quyết định cuối cùng.
 5. Trong trường hợp Trọng tài viên vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể tiếp tục tham gia giải quyết tranh chấp hoặc bị thay đổi thì việc chọn, chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của quy tắc này.

ĐIỀU 16. TIẾN HÀNH LẠI CÁC PHIÊN GIẢI QUYẾT TRONG TRƯỜNG HỢP THAY THẾ TRỌNG TÀI VIÊN

Sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài mới được thành lập có thể xem xét lại những vấn đề đã được đưa ra tại các phiên họp giải quyết tranh chấp của Hội đồng Trọng tài trước đó.

ĐIỀU 17. GỘP NHIỀU TRANH CHẤP ĐỂ GIẢI QUYẾT TRONG CÙNG MỘT VỤ VIỆC

1. Để giải quyết nhanh chóng tranh chấp, tiết kiệm chi phí cho các bên đồng thời tạo điều kiện để phán quyết trọng tài được ban hành đúng pháp luật, theo yêu cầu của một trong các bên, Chủ tịch Trung tâm sẽ quyết định việc gộp nhiều tranh chấp vào giải quyết trong cùng một vụ việc.
2. Quyết định việc gộp nhiều tranh chấp để giải quyết trong cùng một vụ việc phải nêu rõ cách thức các bên lựa chọn Trọng tài viên cho mình và phải được lập thành văn bản gửi đến các bên theo đúng cách thức quy định tại Điều 3, Quy tắc này.

ĐIỀU 18. TIẾN HÀNH TỔ TỤNG

1. Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành tổ tụng trọng tài theo phương thức Hội đồng Trọng tài xét thấy thích hợp, sau khi tham khảo ý kiến các bên, để bảo đảm quyết định cuối cùng công bằng, nhanh chóng và tiết kiệm về vụ tranh chấp.

2. Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định về tính liên quan, tính quan trọng và tính hợp lệ của tất cả các chứng cứ.
3. Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi chỉ định tất cả các Trọng tài viên, nếu thấy cần thiết Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành cuộc họp sơ bộ với các bên, trực tiếp hoặc thông qua phương tiện khác, để thảo luận thủ tục thích hợp và hiệu quả nhất cho vụ tranh chấp.
4. Hội đồng Trọng tài được toàn quyền chỉ đạo trình tự tố tụng, chia nhỏ thủ tục tố tụng, loại bỏ lời khai hoặc chứng cứ không có liên quan và chỉ đạo các bên tập trung trình bày các vấn đề mà việc quyết định các vấn đề đó có thể giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ tranh chấp.
5. Bản thân Chủ tịch Hội đồng Trọng tài có thể đưa ra các quyết định về thủ tục và các quyết định đó có thể được Hội đồng Trọng tài sửa đổi.
6. Mọi giải trình, tài liệu hoặc thông tin khác được một bên cung cấp cho Hội đồng Trọng tài và Trung tâm sẽ đồng thời được chuyển cho bên kia.

ĐIỀU 19. TÀI LIỆU NỘP CỦA CÁC BÊN

1. Trừ khi Hội đồng Trọng tài có quyết định khác, việc nộp các bản giải trình sẽ được tiến hành như quy định trong Quy tắc này.
2. Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định các tài liệu khác cần có từ các bên hoặc các bên có thể xuất trình. Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định thời hạn nộp các tài liệu đó.
3. Mọi tài liệu đệ trình nêu trong Quy tắc này sẽ được nộp kèm với bản sao tất cả các văn bản chứng minh mà trước đó chưa bên nào nộp.

ĐIỀU 20. ĐỊA ĐIỂM TRỌNG TÀI

1. Các bên có thể thỏa thuận về địa điểm trọng tài. Nếu không có thỏa thuận, thì địa điểm trọng tài sẽ là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trừ khi Hội đồng Trọng tài sau khi xem xét tất cả các tình tiết của vụ tranh chấp quyết định rằng một địa điểm khác thích hợp hơn.
2. Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các phiên xét xử và phiên họp thông qua các phương tiện mà Hội đồng Trọng tài xét thấy phù hợp hoặc thích hợp và tại địa điểm mà Hội đồng Trọng tài xét thấy thuận tiện hoặc thích hợp.

ĐIỀU 21. NGÔN NGỮ TRỌNG TÀI

1. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt. Trong trường hợp tranh chấp có yếu tố nước ngoài, nếu các bên không có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định ngôn ngữ sử dụng trong thủ tục tố tụng trọng tài. Trung tâm sẽ cung cấp phiên dịch và chi phí sẽ do các bên gánh chịu.
2. Nếu một tài liệu được viết bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài, thì Hội đồng Trọng tài, hoặc nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, Chủ tịch Trung tâm có thể yêu cầu bên cung cấp tài liệu nộp bản dịch theo hình thức do Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm ấn định.

ĐIỀU 22. NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN

Một bên có thể có đại diện là luật sư hoặc những người đại diện khác, với điều kiện việc được ủy quyền phải lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự và thông báo cho Hội đồng Trọng tài.

ĐIỀU 23. NGHIÊN CỨU HỒ SƠ, XÁC MINH SỰ VIỆC

1. Sau khi được chọn hoặc được chỉ định, các Trọng tài viên phải nghiên cứu hồ sơ và có quyền xác minh sự việc, nếu thấy cần thiết.
2. Hội đồng Trọng tài có quyền gặp các bên để nghe các bên trình bày ý kiến. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên hoặc theo sáng kiến của mình, Hội đồng Trọng tài có thể tìm hiểu sự việc từ người thứ ba với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên.

ĐIỀU 24. THU THẬP CHỨNG CỨ

1. Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh sự việc mà mình nêu ra. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên bổ sung chứng cứ liên quan đến vụ tranh chấp, có quyền tự mình thu thập chứng cứ.
2. Hội đồng Trọng tài có thể mời giám định theo yêu cầu của một bên hoặc các bên và phải thông báo cho các bên biết. Bên yêu cầu giám định phải nộp tạm ứng phí giám định, trường hợp các bên mời giám định thì cùng phải nộp tạm ứng phí giám định.

ĐIỀU 25. NGƯỜI LÀM CHỨNG

1. Trước khi diễn ra phiên xét xử, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu một bên thông báo về nhân thân của người làm chứng, kể cả những người làm chứng là chuyên gia mà bên đó dự định đưa ra, nội dung lời khai của họ và mối liên quan của nội dung đó với các vấn đề đang được giải quyết.
2. Hội đồng Trọng tài có toàn quyền cho phép, từ chối hoặc hạn chế sự xuất hiện của những người làm chứng. Chi phí cho người làm chứng do bên yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ.
3. Người làm chứng cung cấp chứng cứ bằng lời nói có thể được từng bên, đại diện của các bên và Hội đồng Trọng tài hỏi theo cách thức do Hội đồng Trọng tài quyết định.
4. Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu trình bày lời khai của người làm chứng dưới dạng văn bản như bản giải trình có chữ ký hoặc một hình thức ghi chép khác phù hợp với pháp luật dân sự. Hội đồng Trọng tài có thể dựa vào lời khai bằng văn bản ở mức Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp, không tính đến lời khai đó hoặc hoàn toàn loại trừ lời khai đó.
5. Việc một bên hoặc người đại diện của bên đó phỏng vấn người làm chứng trước khi người làm chứng đó xuất hiện tại phiên xét xử là hợp lệ.

6. Trường hợp người làm chứng đã được Hội đồng Trọng tài triệu tập họp lệ mà không đến phiên họp nhưng không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho việc giải quyết tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến phiên họp của Hội đồng Trọng tài.

ĐIỀU 26. CHUYÊN GIA DO HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI CHỈ ĐỊNH

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài có quyền:
 - a. Có thể chỉ định một chuyên gia để báo cáo các vấn đề cụ thể sau khi tham khảo ý kiến các bên; và
 - b. Có thể yêu cầu một bên cung cấp cho chuyên gia đó các thông tin có liên quan, hoặc đưa ra hoặc cung cấp quyền tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản có liên quan để kiểm tra.
2. Chuyên gia được chỉ định như vậy sẽ nộp một báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Trọng tài. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và mời các bên đưa ra ý kiến nhận xét bằng văn bản về báo cáo
3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy cần thiết, chuyên gia đó sẽ tham gia vào phiên xét xử sau khi gửi báo cáo bằng văn bản. Tại phiên xét xử, các bên sẽ có cơ hội hỏi chuyên gia.

ĐIỀU 27. QUYỀN HẠN BỔ SUNG CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

Ngoài các quyền hạn quy định rõ trong Quy tắc này và không vi phạm các quy tắc bắt buộc của luật pháp áp dụng cho tố tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền:

1. Theo đơn đề nghị của một bên, cho phép một hoặc nhiều bên thứ ba được tham gia tố tụng trọng tài với điều kiện là người đó là một bên trong thỏa thuận trọng tài và có sự đồng ý bằng văn bản của bên thứ ba đó.
2. Tiến hành việc tìm hiểu các vấn đề liên quan tới vụ việc mà theo Hội đồng Trọng tài thấy cần thiết hoặc thích hợp.
3. Yêu cầu cho các bên cung cấp các tài sản hoặc vật phẩm để Hội đồng Trọng tài hoặc chuyên gia kiểm tra trước sự chứng kiến của các bên.
4. Yêu cầu các bên xuất trình và cung cấp các bản sao các tài liệu đang quản lý hoặc kiểm soát mà Hội đồng Trọng tài xét thấy có liên quan tới vụ việc và quan trọng đối với kết luận vụ việc.
5. Tiến hành tố tụng trọng tài cho dù một bên không hoặc từ chối tuân thủ Quy tắc này.

ĐIỀU 28. XEM XÉT THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

1. Nếu một bên phản đối sự tồn tại, giá trị pháp lý hoặc phạm vi của thỏa thuận trọng tài hoặc thẩm quyền của Trung tâm đối với một Đơn khởi kiện hoặc Đơn kiện lại

trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, thì Hội đồng Khoa học Thi đua Khen thưởng của Trung tâm sẽ quyết định về thẩm quyền của Trung tâm.

2. Sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền quyết định về thẩm quyền của mình, kể cả việc phản đối sự tồn tại, chấm dứt hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài.
3. Nếu thỏa thuận trọng tài là một phần của một hợp đồng sẽ được xem là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng đó. Quyết định của Hội đồng Trọng tài rằng hợp đồng vô hiệu sẽ không dẫn tới việc vô hiệu thỏa thuận trọng tài theo luật. Quyết định của Hội đồng Trọng tài sẽ được thông báo ngay cho các bên biết.
4. Khiếu nại việc Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền phải được đưa ra chậm nhất là trong Bản tự Bảo vệ hoặc trong Đơn kiện lại. Một bên sẽ mất quyền đưa ra một khiếu nại như vậy nếu bên đó đã đề cử hoặc tham gia đề cử một (01) Trọng tài viên.
5. Khiếu nại việc Hội đồng Trọng tài đang vượt quá phạm vi thẩm quyền của mình sẽ được đưa ra ngay sau khi Hội đồng Trọng tài quyết định về vấn đề bị cáo buộc là vượt quá phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp, Hội đồng Trọng tài có thể chấp nhận việc khiếu nại chậm theo Quy tắc này nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy việc chậm trễ là hợp lý.
6. Hội đồng Trọng tài sẽ ra quyết định riêng về việc khiếu nại nêu tại Khoản 4, Khoản 5, Điều này ngay từ đầu quá trình tố tụng. Trong trường hợp không đồng ý với Quyết định của Hội đồng Trọng tài nêu tại Khoản 4, Khoản 5, Điều này, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của Hội đồng Trọng tài, bên không đồng ý với Quyết định của Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu Tòa án cấp tỉnh, nơi Hội đồng Trọng tài đã ra Quyết định, xem xét lại Quyết định của Hội đồng Trọng tài. Bên có yêu cầu phải đồng thời thông báo việc này cho Hội đồng Trọng tài; trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.
7. Trong trường hợp Tòa án quyết định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, vụ tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp sau khi đã nhận được Quyết định của Tòa án.

ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN YÊU CẦU ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

1. Các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoặc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Quy tắc này và các quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
2. Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự bác bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

3. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình. Trong trường hợp bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng và gây thiệt hại cho bên kia hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường.

ĐIỀU 30. THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

1. Theo yêu cầu của một trong các bên, Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các bên tranh chấp.
2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời bao gồm:
 - a. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.
 - b. Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài.
 - c. Kê biên tài sản đang tranh chấp.
 - d. Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp.
 - e. Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên.
 - f. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu một trong các bên đã yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Khoản 2 Điều này mà sau đó lại có đơn yêu cầu Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội đồng Trọng tài phải từ chối.
4. Trước khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng Trọng tài có quyền buộc bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thực hiện nghĩa vụ bảo đảm tài chính.

ĐIỀU 31. THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

1. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải làm đơn gửi đến Hội đồng Trọng tài.
2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có các nội dung chính sau đây:
 - a. Ngày, tháng, năm làm đơn;
 - b. Tên, địa chỉ của bên có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời
 - c. Tên, địa chỉ của bên bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.
 - d. Tóm tắt nội dung tranh chấp.
 - e. Lý do cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.
 - f. Biện pháp khẩn cấp tạm thời cần được áp dụng và các yêu cầu cụ thể.Kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên yêu cầu phải cung cấp cho Hội đồng Trọng tài chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.

3. Theo quyết định của Hội đồng Trọng tài, bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Hội đồng Trọng tài ấn định tương ứng với giá trị thiệt hại có thể phát sinh do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây ra để bảo vệ lợi ích của bên bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá được gửi vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng do Hội đồng Trọng tài quyết định.
4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, ngay sau khi bên yêu cầu đã thực hiện biện pháp bảo đảm quy định tại Khoản 3, Điều này thì Hội đồng Trọng tài xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu, Hội đồng Trọng tài thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho bên yêu cầu biết.

ĐIỀU 32. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC THAY ĐỔI, BỔ SUNG, HỦY BỎ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

1. Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có quyền thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Thủ tục thay đổi, bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 31, Quy tắc này.
3. Hội đồng Trọng tài hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị hủy bỏ.
 - b. Bên phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã nộp tài sản hoặc có người khác thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành nghĩa vụ đối với bên có yêu cầu.
 - c. Nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ chấm dứt theo quy định của pháp luật.
4. Thủ tục hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện như sau:
 - a. Bên yêu cầu phải có đơn đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời gửi Hội đồng Trọng tài.
 - b. Hội đồng Trọng tài xem xét ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và xem xét, quyết định để bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhận lại tài sản bảo đảm quy định tại Khoản 3, Điều 31, Quy tắc này, trừ trường hợp bên yêu cầu Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm bồi thường do yêu cầu không đúng gây thiệt hại cho bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba.

Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và Cơ quan Thi hành án dân sự.

ĐIỀU 33. LUẬT ÁP DỤNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài giải quyết nội dung vụ tranh chấp căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng và pháp luật Việt Nam.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài giải quyết nội dung vụ tranh chấp căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng, vào luật áp dụng do các bên chọn, vào các điều ước quốc tế có liên quan và có tính đến các tập quán thương mại quốc tế.

Trong trường hợp các bên không chọn hoặc không thống nhất được việc chọn luật áp dụng thì Hội đồng Trọng tài quyết định chọn luật áp dụng mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.

ĐIỀU 34. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP

1. Thời gian mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Chủ tịch Hội đồng Trọng tài quyết định, nếu các bên không có thỏa thuận khác.
2. Giấy triệu tập phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải được gửi cho các bên chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày mở phiên họp, nếu các bên không có thỏa thuận khác.
3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, phiên họp giải quyết tranh chấp sẽ tổ chức kín, và các biên bản, trích lục, hoặc tài liệu được sử dụng sẽ được bảo mật. Các bên có quyền mời nhân chứng, người bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và thông báo cho Hội đồng Trọng tài trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.
4. Phiên họp giải quyết tranh chấp có thể được tiến hành bằng hình thức tele-conference, video-conference hoặc các hình thức thích hợp khác.

ĐIỀU 35. HOÃN PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP

1. Trường hợp có lý do chính đáng, các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo bằng chứng và gửi để Hội đồng Trọng tài nhận được chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Nếu gửi yêu cầu hoãn chậm, bên yêu cầu hoãn phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Hội đồng Trọng tài xem xét, quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hoãn và kịp thời thông báo cho các bên.

2. Nếu xét thấy chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài phải hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và kịp thời thông báo cho các bên.

ĐIỀU 36. VIỆC VẮNG MẶT CỦA CÁC BÊN

1. Nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng không tham dự phiên họp mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp

mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp khi Bị đơn có yêu cầu hoặc có Đơn kiện lại theo quy định tại Điều 11, Quy tắc này.

2. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng không tham dự phiên họp mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp mà không được Hội đồng Trọng tài đồng ý thì Hội đồng Trọng tài vẫn tiến hành giải quyết vụ tranh chấp căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có.
3. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, nếu Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng không tham dự phiên họp mà không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không được Hội đồng Trọng tài đồng ý thì được coi là đã rút Đơn kiện lại. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp khi Nguyên đơn có yêu cầu.
4. Nếu các bên có yêu cầu, Hội đồng Trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để giải quyết vụ tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành giải quyết vụ tranh chấp khi có yêu cầu vắng mặt của một bên.

ĐIỀU 37. HOÀ GIẢI

Các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài tiến hành hòa giải. Trong trường hợp hòa giải thành thì Hội đồng Trọng tài lập Biên bản hòa giải thành và ra Quyết định công nhận hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải được các bên và các Trọng tài viên của Hội đồng Trọng tài ký. Quyết định công nhận hòa giải thành của Hội đồng Trọng tài là chung thẩm, được thi hành như quy định của Khoản 5, Điều 41, Quy tắc này.

ĐIỀU 38. ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP

1. Vụ tranh chấp được đình chỉ giải quyết trong các trường hợp sau đây:
 - a. Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế.
 - b. Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cơ quan, tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà không có cơ quan, tổ chức nào tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó.
 - c. Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện hoặc được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 36, Quy tắc này, trừ trường hợp Bị đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết tranh chấp.
 - d. Các bên thoả thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp.
 - e. Tòa án đã quyết định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, không có thoả thuận trọng tài, thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được theo quy định tại khoản 7, Điều 29, Quy tắc này.
2. Hội đồng Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì Chủ tịch Trung tâm Trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

3. Khi có quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp, các bên không có quyền khởi kiện yêu cầu Trọng tài giải quyết lại vụ tranh chấp đó nếu việc khởi kiện vụ tranh chấp sau không có gì khác với vụ tranh chấp trước về Nguyên đơn, Bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm e, Khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 39. NGUYÊN TẮC RA PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

1. Sau khi tham khảo ý kiến các bên, Hội đồng Trọng tài sẽ tuyên bố chấm dứt thủ tục tố tụng nếu Hội đồng Trọng tài thấy rằng các bên không cần thêm bất kỳ bằng chứng hoặc tài liệu nào có liên quan và quan trọng nào để đưa ra. Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của một bên mở lại thủ tục tố tụng trước khi ra phán quyết.
2. Nếu một Trọng tài viên không hợp tác trong việc ra Phán quyết trọng tài sau đã khi có cơ hội hợp lý để làm việc đó, thì các Trọng tài viên còn lại sẽ tiến hành ra Phán quyết trọng tài mà không cần sự có mặt của Trọng tài viên đó.
3. Phán quyết Trọng tài của Hội đồng Trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số, trừ trường hợp vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết, ý kiến của thiểu số được ghi vào Biên bản phiên họp.
4. Trong trường hợp không đạt được đa số, Phán quyết Trọng tài được lập theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.
5. Bằng việc đồng ý với tố tụng trọng tài theo các Quy tắc này, các bên cam kết nhanh chóng thi hành không chậm trễ phán quyết.

ĐIỀU 40. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

1. Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Ngày, tháng, năm và địa điểm ra phán quyết.
 - b. Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn.
 - c. Họ, tên, địa chỉ của Trọng tài viên.
 - d. Tóm tắt đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp.
 - e. Căn cứ để ra phán quyết, trừ khi các bên có thoả thuận không cần nêu căn cứ trong phán quyết.
 - f. Kết quả giải quyết tranh chấp.
 - g. Thời hạn thi hành phán quyết.
 - h. Phân bổ chi phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan.
 - i. Chữ ký của Trọng tài viên.
2. Khi có Trọng tài viên không ký tên vào Phán quyết trọng tài, Chủ tịch Hội đồng Trọng tài phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, Phán quyết trọng tài vẫn có hiệu lực.

3. Phán quyết trọng tài được ban hành ngay tại phiên họp hoặc chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng.
4. Phán quyết trọng tài phải được gửi cho các bên ngay sau ngày ban hành. Các bên có quyền yêu cầu Trung tâm Trọng tài hoặc Hội đồng Trọng tài vụ việc cấp bản sao Phán quyết trọng tài.
5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

ĐIỀU 41. SỬA CHỮA VÀ GIẢI THÍCH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI, PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI BỔ SUNG

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa chữa những lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết nhưng phải thông báo ngay cho bên kia biết. Trường hợp Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng thì phải sửa chữa trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Phán quyết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích về điểm cụ thể hoặc phần nội dung của phán quyết nhưng phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy rằng yêu cầu này là chính đáng thì phải giải thích trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nội dung giải thích này là một phần của Phán quyết.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày ban hành Phán quyết, Hội đồng Trọng tài có thể chủ động sửa những lỗi quy định tại Khoản 1 Điều này và thông báo ngay cho các bên.
4. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Phán quyết, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết bổ sung đối với những yêu cầu được trình bày trong quá trình tố tụng nhưng không được ghi trong Phán quyết và phải thông báo ngay cho bên kia biết. Nếu Hội đồng Trọng tài cho rằng yêu cầu này là chính đáng thì ra phán quyết bổ sung trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
5. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Trọng tài có thể gia hạn việc sửa chữa, giải thích hoặc ra phán quyết bổ sung theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 4 Điều này.
6. Quyết định sửa chữa, Quyết định giải thích hoặc Phán quyết trọng tài bổ sung là một phần của Phán quyết trọng tài.
7. Các quy định từ khoản 1 đến khoản 6, điều này cũng được áp dụng cho các Quyết định Trọng Tài.

ĐIỀU 42. LƯU TRỮ HỒ SƠ

1. Trung tâm Trọng tài có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ vụ tranh chấp đã thụ lý. Hồ sơ vụ tranh chấp do Trọng tài vụ việc giải quyết được các bên hoặc các Trọng tài viên lưu trữ.

2. Hồ sơ trọng tài được lưu trữ trong thời hạn năm (05) năm, kể từ ngày ra Phán quyết trọng tài hoặc quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài.

ĐIỀU 43. PHÍ TRỌNG TÀI

1. Hội đồng Trọng tài sẽ quy định cụ thể trong phán quyết tổng số tiền phí trọng tài. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định phân bổ phí trọng tài cho các bên trong phán quyết.
2. Cụm từ "phí trọng tài" bao gồm:
 - a. Phí và chi phí của Hội đồng Trọng tài;
 - b. Phí và chi phí hành chính của Trung tâm; và
 - c. Phí tham vấn chuyên gia hoặc trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

ĐIỀU 44. TÍNH PHÍ VÀ TIỀN TẠM ỨNG

1. Phí trọng tài sẽ được xác định theo Biểu Phí hiện hành của Trung tâm tại thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài. Tổng Thư ký sẽ ấn định các khoản tạm ứng phí trọng tài.
2. Trường hợp số tiền của Đơn khởi kiện hoặc lại không thể xác định được tại thời điểm phải thanh toán, Tổng Thư ký sẽ đưa ra một con số ước tính tạm thời phí trọng tài. Con số ước tính đó có thể dựa trên tính chất của tranh chấp và những tình tiết của vụ tranh chấp. Con số ước tính này có thể được điều chỉnh theo các thông tin có thể có được sau đó.
3. Tổng Thư ký vào từng thời điểm có thể chỉ thị các bên nộp thêm tiền tạm ứng cho phí trọng tài phát sinh hoặc sẽ phát sinh thay mặt cho hoặc vì lợi ích của các bên.
4. Nếu một bên không nộp tiền tạm ứng theo chỉ thị, thì sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài và các bên, Tổng Thư ký có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài đình chỉ công việc và quy định một thời hạn mà khi hết thời hạn đó các Đơn kiện hoặc Đơn kiện lại có liên quan sẽ xem như được rút lại mà không ảnh hưởng tới việc đưa Đơn khởi kiện hoặc Đơn kiện lại đó ra thủ tục tố tụng khác.
5. Các bên chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ về phí trọng tài. Một bên được tự nguyện nộp toàn bộ tiền phí trọng tài đối với Đơn khởi kiện hoặc Đơn kiện lại nếu bên kia không nộp phần của mình. Hội đồng Trọng tài có thể đình chỉ toàn bộ hoặc một phần công việc của mình nếu toàn bộ hoặc một phần tiền tạm ứng được chỉ thị theo Quy tắc này vẫn chưa được thanh toán.

Theo đơn đề nghị của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể ra phán quyết đối với phí chưa thanh toán.
6. Nếu tố tụng trọng tài được giải quyết hoặc đình đốn mà không cần phải xét xử, thì Tổng Thư ký sẽ có quyết định cuối cùng về phí trọng tài. Tổng Thư ký sẽ xem xét mọi tình tiết của vụ tranh chấp, kể cả giai đoạn tố tụng tại đó việc phân xử trọng tài được giải quyết hoặc kết thúc. Trong trường hợp phí trọng tài được quyết định thấp hơn tiền đã nộp, thì sẽ hoàn lại theo tỷ lệ được các bên thỏa thuận, hoặc nếu không thỏa thuận, thì theo cùng tỷ lệ đã nộp tiền tạm ứng.
7. Mọi khoản tạm ứng sẽ được nộp cho Trung tâm và được Trung tâm giữ.

ĐIỀU 45. MIỄN TRÁCH NHIỆM

1. Trung tâm kể cả các Giám đốc, cán bộ, nhân viên của Trung tâm hoặc Trọng tài viên sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ người nào về sự bất cẩn, hành động hoặc thiếu sót liên quan tới tổ tụng trọng tài được điều chỉnh theo Quy tắc này.
2. Trung tâm kể cả các Giám đốc, cán bộ, nhân viên của Trung tâm hoặc Trọng tài viên sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra bất kỳ giải trình nào có liên quan tới tổ tụng trọng tài được điều chỉnh theo Quy tắc này. Các bên sẽ không yêu cầu bất kỳ Giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc Trọng tài viên nào hành động với tư cách người làm chứng trong thủ tục tổ tụng có liên quan tới tổ tụng trọng tài được điều chỉnh theo Quy tắc này.

ĐIỀU 46. BẢO MẬT

1. Các bên và Hội đồng Trọng tài sẽ luôn bảo mật tất cả các vấn đề liên quan tới thủ tục tổ tụng và phán quyết.
2. Khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của tất cả các bên, một bên hoặc Trọng tài viên sẽ không tiết lộ bất kỳ vấn đề nào cho một bên thứ ba ngoại trừ:
 - a. Nhằm mục đích nộp đơn đề nghị lên Tòa án có thẩm quyền trong nước cũng như ngoài nước để thi hành hoặc phản đối phán quyết.
 - b. Theo lệnh hoặc giấy triệu tập của Tòa án có thẩm quyền xét xử.
 - c. Nhằm mục đích theo đuổi hoặc thi hành một quyền hoặc Đơn khởi kiện hợp pháp khác.
 - d. Để tuân thủ các quy định pháp luật có hiệu lực ràng buộc bên tiết lộ.
 - e. Tuân thủ đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
3. Hội đồng Trọng tài có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp, kể cả việc đưa ra một phán quyết về chế tài hoặc phí tổn, nếu một bên vi phạm các quy định bảo mật của Quy tắc này.

ĐIỀU 47. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Một bên biết có một quy định hoặc yêu cầu theo các Quy tắc này không được tuân thủ và tiến hành tổ tụng trọng tài mà không nhanh chóng đưa ra ý kiến phản đối sẽ được xem là đã khước từ quyền phản đối của mình.
2. Đối với mọi vấn đề không được quy định rõ trong Quy tắc này, Chủ tịch, Tổng Thư ký và Hội đồng Trọng tài sẽ hành động trên tinh thần của Quy tắc này và sẽ thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để đảm bảo có kết luận trọng tài công bằng, nhanh chóng và hợp lý và phán quyết có hiệu lực thi hành.
3. Chủ tịch Trung tâm vào từng thời điểm có thể ban hành Tài liệu Hướng dẫn thực hiện để bổ sung, điều chỉnh và thực hiện Quy tắc này nhằm mục đích tạo điều kiện cho việc điều hành tổ tụng trọng tài được thực hiện theo Quy tắc này.

HẾT